

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2024/DS-ST

Ngày 12/9/2024

V/v “*Tranh chấp HĐ vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Tuyển; Ông Phạm Xuân Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12/9/2024, tại Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-DS ngày 22/7/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐST-DS ngày 16/8/2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Trần Hữu M, sinh năm 1996

Địa chỉ: Buôn H, xã U, huyện P, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim Ch, sinh năm 2001 - *Có đơn xin xét xử vắng mặt*

Địa chỉ liên hệ: Số 467 đường D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** Bà H R Niê, sinh năm 1990 - *Có đơn xin xét xử vắng mặt*

Địa chỉ: Buôn H, xã U, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Ý kiến phía nguyên đơn:

Vào ngày 26 tháng 8 năm 2023 bà H R Niê vay ông Trần Hữu M 135.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay mượn, lãi suất thoả thuận theo ngân hàng, hạn 10 ngày sau (tức ngày 06/9/2023) trả 35.000.000 đồng, đến mùa

thu cả phê trả 100.000.000 đồng. Đến ngày 06/9/2023 bà H R Niê trả cho ông M được 35.000.000 đồng nợ gốc, ngày 02/4/2024 trả được 10.000.000 đồng nợ gốc và ngày 02/5/2024 trả 1.500.000 đồng nợ lãi, ngày 02/6/2024 trả được 1.000.000 đồng nợ lãi. Số tiền còn lại bà H R chưa trả cho đủ cho ông M. Để đảm bảo quyền lợi theo pháp luật, ông M đã khởi kiện vụ án tại Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn đã bổ sung ý kiến và yêu cầu như sau:

Về nợ gốc: Ông M yêu cầu bà H R phải trả cho ông M số tiền vay gốc còn lại 90.000.000 đồng;

Về nợ lãi: Ông M yêu cầu bà H R phải trả nợ lãi trên số nợ gốc còn lại tính từ ngày vay đến ngày xét xử (ngày 12/9/2024) với mức 10%/năm theo quy định pháp luật, tổng số lãi 10.185.000đ (làm tròn);

Số lãi bà H R đã trả cho ông M: $1.500.000đ + 1.000.000đ = 2.500.000$ đồng;

Do đó số nợ lãi bà H R còn phải trả cho ông M là: $10.185.000đ - 2.500.000đ = 7.685.000$ đồng;

Tổng cộng gốc và lãi đến ngày xét xử nguyên đơn yêu cầu là: $90.000.000đ + 7.685.000đ = 97.685.000đ$ đồng và lãi suất phát sinh tiếp theo theo quy định pháp luật.

2. Ý kiến phía bị đơn:

Vào ngày 26 tháng 8 năm 2023 tôi vay ông Trần Hữu M 135.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay mượn, lãi suất thỏa thuận theo ngân hàng, hẹn 10 ngày sau (tức ngày 06/9/2023) trả 35.000.000 đồng, đến mùa thu cà phê trả 100.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện nay tôi đã trả cho ông M được 45.000.000đ đồng nợ gốc và lãi suất vẫn trả theo hàng tháng.

Vì vậy ông M yêu cầu tôi phải trả cho ông M số tiền vay gốc còn lại 90.000.000 đồng thì tôi đồng ý.

Về nợ lãi nguyên đơn yêu cầu tính lãi tạm tính đến ngày 17/6/2024 với mức 10%/năm cụ thể là 5.242.000 đồng thì tôi cũng đồng ý.

Về phương thức trả nợ gốc, lãi, tôi chỉ có khả năng trả cụ thể: Ngày 30/12/2024 trả 45.000.000 đồng nợ gốc và chậm nhất ngày 30/12/2025 trả 45.000.000 đồng nợ gốc + lãi suất phát sinh còn lại. Tuy nhiên do nguyên đơn yêu cầu trả sớm nên tôi không thỏa thuận được; Đề nghị Tòa án xét xử theo pháp luật.

Về người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tài sản liên quan: Quá trình vay mượn không có người làm chứng, không có người liên quan quyền lợi nghĩa vụ và không cầm cố thế chấp tài sản gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; Áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện thay đổi bổ sung của nguyên đơn; Buộc bà H R Niê phải trả cho ông Trần Hữu M số nợ đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/9/2024) là 97.685.000đồng (*trong đó: nợ gốc 90.000.000đồng; nợ lãi 7.685.000đồng*) và lãi suất phát sinh tiếp theo từ ngày 13/9/2024 đến khi trả hết nợ gốc theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án, nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn và việc xác nhận của phía bị đơn thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Các bên thỏa thuận và viết giấy mượn tiền ghi ngày 26/8/2023, có ghi thời trả nợ gốc. Quá thời hạn trả nợ gốc nhưng bị đơn không trả hết nợ nên ngày 25/6/2024, ông M nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Căn cứ các điều 149, 150, 154 BLDS năm 2015; Điều 184 BLTTDS thì nguyên đơn khởi kiện nằm trong thời hiệu, HĐXX cần xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình đưa vụ án ra xét xử, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiếp tục giải quyết, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[4]. Về nội dung: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cùng lời trình bày các bên, HĐXX xét thấy:

[4.1]. Về yêu cầu trả nợ gốc:

Tại giấy mượn tiền ghi ngày 26/8/2023 thể hiện bà H R Niê ký giấy và xác nhận vay mượn của ông M khoản tiền 135.000.000 đồng, có hẹn thời hạn trả nợ.

Đến ngày 06/9/2023, bà H R đã trả 35.000.000 đồng; Đến ngày 02/4/2024, bà H R trả thêm 10.000.000 đồng và còn nợ lại số nợ gốc là 90.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn cũng đã xác nhận có ký giấy mượn tiền ghi ngày 26/8/2023 và hiện còn nợ nguyên đơn số tiền 90.000.000 đồng (nợ gốc). Do đó việc nguyên đơn - Ông M khởi kiện yêu cầu bị đơn - Bà H R Niê trả số tiền vay gốc còn lại là 90.000.000 đồng là phù hợp và có căn cứ nên HĐXX thấy cần chấp nhận.

[4.2]. Về lãi suất:

Trong giấy ghi ngày 26/8/2023, các bên thoả thuận lãi suất theo ngân hàng nhưng không ghi rõ mức lãi suất chính xác là bao nhiêu %/năm. Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn và bị đơn đều xác định vay có lãi suất và đã trả một phần lãi; Phía nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi suất 10%/năm trên số nợ gốc theo quy định pháp luật thì bị đơn cũng không có ý kiến gì. Do đó việc nguyên đơn - Ông M khởi kiện yêu cầu bị đơn - Bà H R trả lãi vay với mức 10%/năm, là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của BLDS năm 2015 nên HĐXX cần chấp nhận. Cụ thể với mức lãi suất 10%/năm thì tiền lãi như sau:

Nợ lãi (trong thời gian còn số nợ gốc 135.000.000đ) là: 337.000đồng (đã làm tròn);

Nợ lãi (trong thời gian còn số nợ gốc 100.000.000đ) là: 5.775.000đồng (đã làm tròn);

Nợ lãi (trong thời gian còn số nợ gốc 90.000.000đ đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 12/9/2024) là: 4.073.000đồng (đã làm tròn);

Tổng số tiền lãi là: $337.000đ + 5.775.000đ + 4.073.000đ = 10.185.000đ$;

Số tiền lãi nguyên đơn xác nhận bị đơn đã trả là: Ngày 02/5/2024 trả 1.500.000đ; ngày 02/6/2024 trả 1.000.000đ; Tổng cộng là 2.500.000 đồng.

Như vậy, số nợ lãi bà H R còn phải trả cho ông M (tính đến ngày xét xử) là: $10.185.000đ - 2.500.000đ = 7.685.000$ đồng.

Từ những nhận định trên, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện đã sửa đổi bổ sung của nguyên đơn - Ông Trần Hữu M; Buộc bị đơn - Bà H R Niê phải trả cho ông Trần Hữu M số nợ đến ngày 12/9/2024 là 97.685.000đồng (trong đó: nợ gốc 90.000.000đồng; nợ lãi 7.685.000đồng) và lãi suất phát sinh tiếp theo từ ngày 13/9/2024 đến khi trả hết nợ gốc, với mức lãi suất 10%/năm theo quy định pháp luật.

[5]. Đối với ý kiến của phía bị đơn:

- Phía bị đơn cho rằng trả lãi hàng tháng theo đúng thoả thuận; Tuy nhiên bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ trả nợ lãi từ khi vay đến nay; Phía nguyên đơn cũng chỉ tự nguyện xác nhận bị đơn trả lãi ngày 02/5/2024 trả 1.500.000đ, ngày 02/6/2024 trả 1.000.000đ.

- Phía bị đơn cho rằng chỉ có khả năng trả nợ: Ngày 30/12/2024 trả 45.000.000 đồng nợ gốc và chậm nhất ngày 30/12/2025 trả 45.000.000 đồng nợ gốc + lãi suất phát sinh còn lại. Tuy nhiên ý kiến này không được phía nguyên đơn chấp nhận.

Do đó các ý kiến của bị đơn là không có căn cứ nên HĐXX không đề cập xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí:

- Nguyên đơn - Ông Trần Hữu M được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp;

- Bị đơn - Bà H R Niê là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên HĐXX xét miễn án phí cho bà H R.

[7]. Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện thay đổi bổ sung của nguyên đơn - Ông Trần Hữu M;

Buộc bị đơn - Bà H R Niê phải trả cho ông Trần Hữu M số nợ đến ngày 12/9/2024 là **97.685.000** đồng (*Chín mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng*), trong đó:

- Nợ gốc 90.000.000 đồng;

- Nợ lãi 7.685.000 đồng (*tạm tính đến ngày 12/9/2024*);

Và lãi phát sinh từ ngày 13/9/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Nguyên đơn - Ông Trần Hữu M được nhận lại khoản tiền tạm ứng án phí 2.381.000 đồng, đã nộp theo biên lai số AA/2023/0005887 ngày 27/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn - Bà H R Niê được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

* *Về quyền kháng cáo:* Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Vũ Văn Đức